

TRƯỜNG THCS LONG TOÀN

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KÌ II
MÔN TOÁN 6. NĂM HỌC 2024 - 2025

A. CÁC KIẾN THỨC TRỌNG TÂM

1. Số học:

- Các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia phân số. Hỗn số.
- Tính chất cơ bản của phân số. So sánh phân số. Giá trị phân số của một số.
- Số thập phân. Các phép tính với số thập phân.
- Làm tròn số thập phân và ước lượng kết quả. Tỉ số và tỉ số phần trăm.
- Vận dụng được các kiến thức số học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn.

2. Hình học:

- Điểm. Đường thẳng. Ba điểm thẳng hàng, ba điểm không thẳng hàng.
- Hai đường thẳng cắt nhau, song song. Tia.
- Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng. Trung điểm của đoạn thẳng
- Góc. Số đo góc. Các góc đặc biệt.

3. Xác suất:

- Phép thử nghiệm, sự kiện.
- Xác suất thực nghiệm.

B. ĐỀ THAM KHẢO KIỂM TRA HỌC KỲ II

ĐỀ 1

(Thời gian làm bài: 90 phút)

I. TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm).

Phần 1. Trắc nghiệm nhiều lựa chọn (3,0 điểm): Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi học sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Viết hỗn số $3\frac{2}{5}$ dưới dạng phân số ta được :

- A. $\frac{11}{5}$ B. $\frac{3}{11}$ C. $\frac{3}{11}$ D. $\frac{17}{5}$

Câu 2. Phân số nào sau đây bằng phân số $\frac{-3}{7}$

- A. $\frac{-6}{-14}$ B. $\frac{15}{35}$ C. $\frac{9}{-21}$ D. $\frac{-7}{3}$

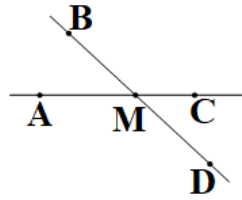
Câu 3. Trong các số sau, số nào là số thập phân âm?

- A. 2,017. B. -7,08. C. 0,23. D. 162,3.

Câu 4. Số đối của số thập phân 3,17 là

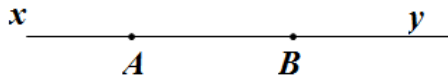
- A. 17,3. B. 3,71. C. -3,17. D. -17,3.

Câu 5. Cho hình vẽ sau. Chọn khẳng định sai.



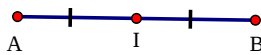
- A. A, M, C thẳng hàng. B. B, M, D thẳng hàng.
 C. M nằm giữa A và C . D. A, B và C thẳng hàng.

Câu 6. Cho hình vẽ sau, Chọn khẳng định đúng.

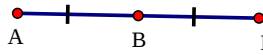


- A. Hai tia Ax, Bx là hai tia trùng nhau.
 B. Hai tia Ax, By là hai tia đối nhau.
 C. Hai tia Bx, Ay là hai tia đối nhau.
 D. Hai tia AB, Ay là hai tia trùng nhau.

Câu 7. Trong các hình vẽ sau hình nào có I là trung điểm của đoạn thẳng AB



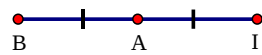
Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

- A. Hình 2. B. Hình 1. C. Hình 3. D. Hình 4.

Câu 8. Cho hình vẽ.



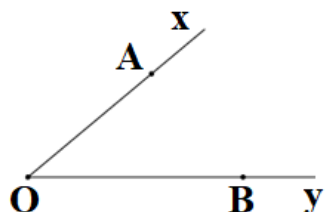
Hình vẽ trên minh họa cho

- A. đường thẳng MN . B. tia MN . C. đoạn thẳng MN . D. tia NM .

Câu 9. Cho số đo các góc sau: 135° ; 50° ; 10° ; 90° ; 165° ; 131° ; 15° ; 65° . Trong đó có bao nhiêu góc nhọn?

- A. 4 B. 5 C. 6 D. 7

Câu 10. Chọn cách đọc sai.



- A. Góc AOB . B. Góc yOx . C. Góc Oxy . D. Góc xOy .

Câu 11. Trong hộp có 10 lá thăm được đánh số từ 1 đến 10. Bốc ngẫu nhiên một lá thăm từ hộp. Hãy cho biết tập hợp các kết quả có thể xảy ra khi bốc được thăm ghi số chẵn?

- A. $X = \{3; 5; 7; 9\}$. B. $X = \{1; 3; 5; 7\}$. C. $X = \{1; 3; 5; 7; 9\}$. D. $X = \{2; 4; 6; 8; 10\}$.

Câu 12. Thực hiện tung đồng xu 50 lần, có 27 lần xuất hiện mặt sấp. Xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt ngửa là:

A. $\frac{1}{2}$

B. $\frac{27}{50}$

C. $\frac{50}{23}$

D. $\frac{23}{50}$

Phần 2. Trắc nghiệm "Đúng-Sai" (2,0 điểm): Học sinh trả lời từ câu 13 đến câu 14. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, học sinh chọn Đúng hoặc Sai.

Câu 13.

- a) Hình vuông có vô số trục đối xứng.
- b) Hình tam giác đều có tâm đối xứng.
- c) Hình chữ nhật vừa có tâm đối xứng, vừa có trục đối xứng.
- d) Hình bình hành có tâm đối xứng.

Câu 14. Kết quả so sánh các phân số sau đúng (Đ) hay Sai (S)?

a) $\frac{-8}{99} > 0$ b) $\frac{-3}{11} > \frac{5}{-11}$ c) $\frac{-32}{40} = \frac{4}{5}$ d) $\frac{7}{-3} < \frac{-4}{9}$

Phần 3. Trắc nghiệm trả lời ngắn (2,0 điểm): Học sinh ghi kết quả trả lời từ câu 15 đến câu 18.

Câu 15. Tính $\frac{-2}{7} + \frac{-4}{7}$.

Câu 16. Tính $\frac{1}{6} - \frac{-3}{4}$.

Câu 17. Tính $\frac{-7}{5}$ của 2025.

Câu 18. Làm tròn số -4,0359 đến chữ số thập phân thứ hai.

II. TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Bài 1 (1,0 điểm)

a) Thiên gieo một con xúc xắc sáu mặt 20 lần, ghi lại số chấm xuất hiện ở mỗi lần gieo được kết quả như sau:

Số chấm xuất hiện	1	2	3	4	5	6
Số lần	4	5	2	5	3	1

Tính xác suất thực nghiệm của sự kiện “Số chấm xuất hiện là số lẻ”.

b) Vẽ đoạn thẳng MN có độ dài bằng 7cm. Vẽ điểm I là trung điểm của đoạn thẳng MN. Tính độ dài đoạn thẳng IN.

Bài 2 (1,0 điểm). Tính giá trị các biểu thức một cách hợp lí:

a) $\frac{-3}{13} + \frac{16}{23} + \frac{-10}{13} + \frac{5}{11} + \frac{7}{23}$

b) $(-1,25) \cdot 8,5 + 8,5 \cdot (-8,75)$

Bài 3 (1,0 điểm). Lớp 6A có 40 học sinh, số học sinh chỉ thích môn đá bóng bằng $\frac{1}{4}$ số học sinh cả lớp. Còn lại là học sinh chỉ yêu thích môn bơi lội.

a) Tính số học sinh chỉ thích môn đá bóng của lớp 6A.

b) Tính tỉ số phần trăm số học sinh chỉ yêu thích môn bơi lội so với số học sinh cả lớp.

ĐỀ 2

I. TRẮC NGHIỆM (7,0 Điểm)

Phần 1. Trắc nghiệm nhiều lựa chọn (3,0 điểm): Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi học sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Rút gọn phân số $\frac{-12}{32}$ về tối giản ta được

A. $\frac{6}{16}$

B. $\frac{3}{8}$

C. $\frac{-3}{8}$

D. $\frac{-3}{-8}$

Câu 2. Chọn cặp phân số bằng nhau trong các cặp dưới đây.

A. $\frac{3}{7}$ và $\frac{4}{9}$

B. $-\frac{4}{5}$ và $\frac{8}{10}$

C. $\frac{-5}{3}$ và $\frac{10}{-6}$

D. $\frac{-7}{-2}$ và $\frac{14}{-4}$

Câu 3. Phân số thập phân $\frac{-30}{100}$ được viết dưới dạng số thập phân là

A. $-0,003$

B. $-0,03$

C. -3

D. $-0,3$

Câu 4. Số 3,248 được làm tròn đến hàng phần mười là

A. 3,24

B. 3,25

C. 3

D. 3,2

Câu 5. Trong hình vẽ sau có mấy đoạn thẳng?



A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

Câu 6. Trong hình vẽ sau, khẳng định nào sau đây là **không** đúng?



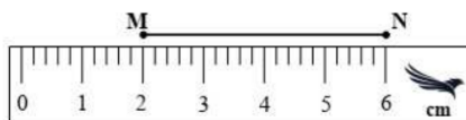
A. Hai tia EF và tia ED đối nhau.

B. Hai tia Ex và Ey đối nhau.

C. Hai tia DF và tia Dx trùng nhau.

D. Điểm F nằm giữa hai điểm E và D.

Câu 7. Độ dài đoạn thẳng MN trong hình vẽ sau dài bao nhiêu?



A. 6cm

B. 2cm

C. 4cm

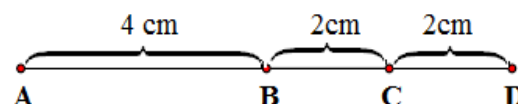
D. 5cm

Câu 8. Xem hình 4. Khẳng định đúng là

A. Điểm C là trung điểm của đoạn thẳng AB.

B. Điểm C là trung điểm của đoạn thẳng BD.

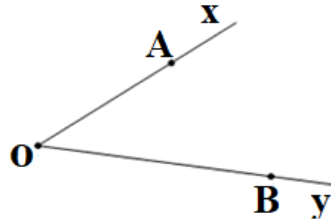
C. Điểm C là trung điểm của đoạn thẳng AD.



Hình 4

D. Điểm B là trung điểm của đoạn thẳng AC.

Câu 9. Chọn cách đọc sai. Góc xOy ở hình vẽ sau còn được đọc là



- A. Góc AOB B. Góc yOx . C. Góc Oxy . D. Góc BOA

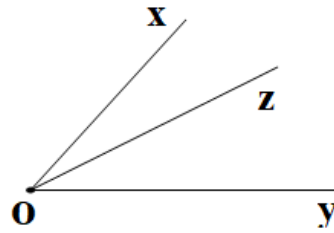
Câu 10. Cho hình vẽ, khẳng định nào là đúng

A. $xOy + xOz = zOy$.

B. $zOy + xOz = xOy$.

C. $xOy + yOz = xOz$.

D. $xOz - yOz = xOy$.



Câu 11. Trong một hộp đựng 50 viên bi, trong đó có 25 viên bi màu xanh, còn lại là viên bi màu đỏ. Xác suất thực nghiệm lấy một viên bi màu đỏ là:

A. $\frac{3}{5}$

B. $\frac{1}{2}$

C. $\frac{2}{5}$

D. $\frac{5}{3}$

Câu 12. Nếu tung một đồng xu 35 lần liên tiếp có 15 lần xuất hiện mặt sấp (S) thì xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt S bằng bao nhiêu?

A. $\frac{7}{11}$

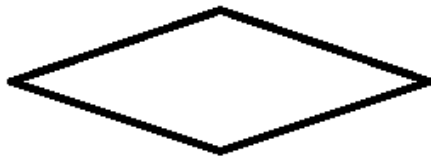
B. $\frac{4}{11}$

C. $\frac{4}{7}$

D. $\frac{3}{7}$

Phần 2. Trắc nghiệm "Đúng-Sai" (2,0 điểm): Học sinh trả lời từ câu 13 đến câu 14. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, học sinh chọn Đúng hoặc Sai.

Câu 13. Cho hình thoi



- a) Hình thoi có 4 trục đối xứng.
b) Hình thoi không có tâm đối xứng, không có trục đối xứng.
c) Hình thoi có 1 tâm đối xứng là giao điểm của hai đường chéo.
d) Hình thoi có 2 trục đối xứng.

Câu 14. Cho 2 phân số $\frac{-3}{11}$ và $\frac{-7}{11}$. Các khẳng định sau đúng hay sai?

a) $\frac{-3}{11} > \frac{-7}{11}$

b) $\frac{-3}{11} : \frac{-7}{11} = \frac{7}{3}$

$$c) \frac{-3}{11} - \frac{-7}{11} = \frac{4}{11}$$

$$d) \frac{-3}{11} + \frac{-7}{11} = \frac{10}{11}$$

Phần 3. Trắc nghiệm trả lời ngắn (2,0 điểm): Học sinh ghi kết quả trả lời từ câu 15 đến câu 18.

Câu 15. Tính 0,75 của $\frac{4}{15}$

Câu 16. Biết 30% của số đó là 2439. Số đó bằng ...

Câu 17. Mai có 50 viên kẹo, Mai cho Hoa 15 viên kẹo. Tính tỉ số phần trăm số kẹo của Hoa so với số kẹo của Mai.

Câu 18. Làm tròn số 8,9537 đến hàng phần trăm.

II. TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Bài 1 (1,0 điểm).

a) Tung hai đồng xu cân đối 100 lần ta được kết quả như sau:

Khả năng	Hai đồng sấp	Một đồng sấp, một đồng ngửa	Hai đồng ngửa
Số lần	20	48	32

Hãy tính xác suất thực nghiệm của sự kiện có một đồng xu sấp, một đồng xu ngửa.

b) Cho đoạn thẳng EF. Gọi A và B lần lượt là trung điểm của các đoạn thẳng EF và EA. Chứng tỏ EF = 4EB.

Bài 2 (1,0 điểm). Tính hợp lí

$$a) \frac{8}{9} \cdot \frac{-7}{13} + \frac{8}{9} \cdot \frac{-6}{13} + 2\frac{8}{9};$$

$$b) 4,7 + 8,3 + 5,6 + (-4,7) + (-5,6)$$

Bài 3 (1,0 điểm).

a) Khu vườn nhà ông Năm trồng 250 cây ăn trái gồm ba loại: xoài, cam và nhãn. Trong đó số cây xoài chiếm 20% tổng số cây của vườn và số cây cam bằng $\frac{3}{2}$ số cây xoài. Tính số cây nhãn trong khu vườn.

b) Một người mua 8 quyển sách cùng loại, vì được giảm giá 10% theo giá bìa nên chỉ phải trả 337500 đồng. Hỏi giá bìa mỗi quyển sách là bao nhiêu?

ĐỀ 3

I. TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm)

Phần 1. Trắc nghiệm nhiều lựa chọn (3,0 điểm): Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi học sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Cho biết $\frac{12}{18} = \frac{2}{x}$, giá trị của x là

A. 3

B. 12

C. 2

D. 18

Câu 2. Phân số nhỏ nhất trong các phân số $\frac{-33}{20}; \frac{-20}{-19}; \frac{-3}{16}; \frac{13}{14}$ là

A. $\frac{-33}{20}$

B. $\frac{-20}{-19}$

C. $\frac{-3}{16}$

D. $\frac{13}{14}$

Câu 3. Trong các số sau, số nào là số thập phân dương ?

A. -2,023

B. 3,023.

C. -1,34

D. -5,3

Câu 4. Tìm số đối của số -2,12:

A. $\frac{13}{2}$

B. -0,5

C. $\frac{3}{-7}$

D. 2,12

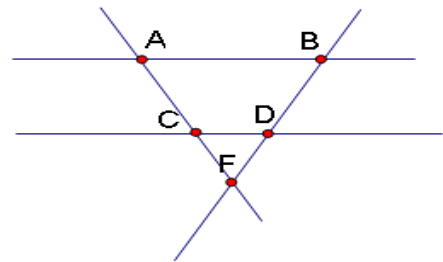
Câu 5. Trong hình vẽ bên có 2 đường thẳng song song với nhau là:

A. CF song song BD

B. AB song song CD

C. AB song song AC

D. AF song song CD



Câu 6. Cho hình vẽ: Có bao nhiêu tia gốc A trong hình vẽ đã cho :



A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

Câu 7. Cho I là trung điểm của đoạn thẳng AB. Biết $AB = 8cm$, độ dài đoạn thẳng IB là

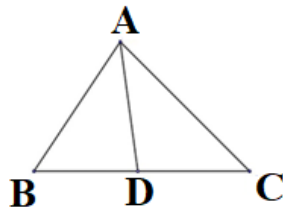
A. 16cm

B. 2cm

C. 8cm

D. 4cm

Câu 8. Hình vẽ sau có bao nhiêu góc (không tính góc bẹt):



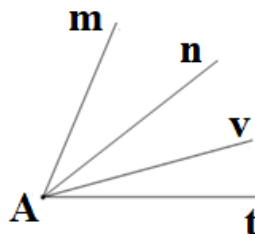
A. 5

B. 6

C. 7

D. 4

Câu 9. Số góc có trên hình vẽ sau là



A. 4 góc.

B. 5 góc.

C. 6 góc .

D. 3 góc.

Câu 10. Góc ACB được kí hiệu như thế nào?

A. $\widehat{ABC}$

B. $\widehat{ACB}$

C. $\widehat{BAC}$

D. $\widehat{CAB}$

Câu 11. Cho phép thử nghiệm gieo con xúc xắc 6 mặt. Sự kiện nào trong các sự kiện sau có thể xảy ra:

A. “Số chấm nhỏ hơn 5”

B. “Số chấm lớn hơn 6”

C. “Số chấm bằng 0”

D. “Số chấm bằng 7”

Câu 12. Tung 1 đồng xu hai mặt N và S cân đối và đồng chất 20 lần. Có 8 lần xuất hiện mặt N thì xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt N là bao nhiêu?

A. 8

B. $\frac{2}{5}$

C. 20

D. $\frac{12}{20}$

Phần 2. Trắc nghiệm "Đúng-Sai" (2,0 điểm): Học sinh trả lời từ câu 13 đến câu 14. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, học sinh chọn Đúng hoặc Sai.

Câu 13. Xét tính đối xứng trục của các hình sau



a)



b)



c)



d)

a) Hình b là hình có trục đối xứng

b) Hình a là hình có trục đối xứng

c) Hình d là hình có trục đối xứng

d) Hình c là hình không có trục đối xứng

Câu 14. Cho 2 phân số $\frac{-5}{13}$ và $\frac{-8}{13}$.

a) $\frac{-5}{13} + \frac{-8}{13} > 1$

b) $\frac{-5}{13} + \frac{-8}{13} < 0$

c) $\frac{-5}{13} + \frac{-8}{13} = -1$.

d) $\frac{-5}{13} : \frac{-8}{13} = \frac{-5}{8}$.

Phần 3. Trắc nghiệm trả lời ngắn (2,0 điểm): Học sinh ghi kết quả trả lời từ câu 15 đến câu 18.

Câu 15. Tìm x, biết: $x - \frac{3}{4} = \frac{-3}{2}$?

Câu 16. Kết quả $\frac{1}{5}$ của 3 giờ đổi sang phút là ...

Câu 17. Một khu vườn hình chữ nhật có chiều dài 20 m. Chiều rộng bằng $\frac{3}{5}$ chiều dài. Chu vi của khu vườn là ...

Câu 18. Cho tổng sau: $B = \frac{1}{20} + \frac{1}{30} + \frac{1}{42} + \frac{1}{56} + \frac{1}{72} + \frac{1}{90} + \frac{1}{110} + \frac{1}{132}$. Kết quả của tổng B làm tròn đến chữ số thập phân thứ nhất là ...

II. TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Bài 1 (1,0 điểm).

a) Một hộp kín có chứa một số bi có màu xanh, đỏ, vàng cùng kích cỡ. Lấy ngẫu nhiên một bi trong hộp, xem màu rồi bỏ lại vào hộp. Minh thực hiện lặp lại hoạt động trên 60 lần ta được kết quả như sau:

Bi	Bi đỏ	Bi xanh	Bi vàng
Số lần	18	15	27

Tính xác suất thực nghiệm của sự kiện lấy được bi vàng.

b) Cho đoạn thẳng $AB = 8\text{cm}$. Gọi M là trung điểm của AB và N là trung điểm của AM. Tính độ dài MN.

Bài 2 (1,0 điểm). Tính giá trị các biểu thức một cách hợp lí:

a) $\frac{-13}{27} + \frac{-5}{13} + \frac{13}{27} + \frac{8}{-13} - 1;$

b) $6,25 \cdot 27,5 + 6,25 \cdot (-17,5)$

Bài 3 (1,0 điểm). Bạn Quân được bố tặng một hộp xếp hình Lego trong đó có 85 mảnh ghép gồm màu xanh và màu đỏ, số mảnh màu xanh chiếm $\frac{3}{5}$ số mảnh ghép có trong hộp Lego.

a) Tính số mảnh màu xanh có trong hộp Lego.

b) Tính tỉ số phần trăm số mảnh màu đỏ so với số mảnh có trong hộp Lego.

 ---- Hết ----

Chúc các em ôn tập tốt!